

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày 29-5-2024
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Ông Phạm Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:**
Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 106/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp chia di sản thừa kế của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị H, sinh năm 1957, nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Đình H1, Luật sư thuộc Công ty L1 - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt;

- **Bị đơn:** Ông Bùi Văn G, sinh năm 1949; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số B đường H, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Ông Bùi Văn D, sinh năm 1953; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Canada; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1957, nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Phạm Thị N, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn A, TT N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Phạm Thị U, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Phạm Hữu T2, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Phạm Hữu P, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Phạm Thị H3, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Phạm Bá D1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Phạm Bá C, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Phạm Bá T3, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Phạm Bá T4, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2023, văn bản sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy:

Bố mẹ bà là cụ Bùi Văn T5, sinh năm 1918 và chết năm 2007 và cụ Phạm Thị T6, sinh năm 1923 và chết năm 2006. Bố mẹ bà sinh được 6 người con gồm: Bùi Thị Đ (chết năm 1979), Bùi Thị T7 (chết năm 2004), Bùi Thị T, Bùi Văn G, Bùi Văn D, Bùi Thị H. Khi còn sống cụ T5 và cụ T6 có tài sản chung là diện tích 864m² tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi các cụ chết thì không để lại di chúc. Ông Bùi Văn G và bà Bùi Thị H2 đã sinh sống trên thửa đất từ khi các cụ chết cho đến nay, ông bà đã dỡ căn nhà cũ của các cụ và xây lại nhà mái bằng 2 tầng ở cùng các con của ông bà. Trên diện tích đất của các cụ còn có 1 ngôi nhà thờ với diện tích hơn 70m². Thửa đất được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ ngày 27/6/2007, số vào sổ 01884 mang tên Bùi Văn T5.

Bà đề nghị chia di sản thừa kế là diện tích 864m² tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp

luật, cụ thể để lại 100m² đất làm lối đi chung, 100m² diện tích nhà thờ cúng, số diện tích đất còn là 664m² thì chia đều cho các hàng thừa kế. Phần đất mà vợ chồng ông G đã xây dựng nhà thì đề nghị giữ nguyên cho vợ chồng ông G ở.

Bị đơn là ông Bùi Văn G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H2 trình bày:

Thông nhất với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình và nguồn gốc diện tích 864m² tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là cụ Phạm Thị T6 và cụ Bùi Văn T5. Ông bà đã sống cùng cụ T5 và cụ T6 trên thửa đất và đã chăm sóc các cụ thời gian các cụ còn sống. Năm 2000, ông bà có sửa sang lại nhà thờ bằng tiền ông D gửi về khoảng 300.000.000 đồng. Đến năm 2013, ông bà có xây dựng nhà 2 tầng với diện tích khoảng 80m². Vì vậy, hiện trạng thửa đất có 2 ngôi nhà gồm 1 ngôi nhà 2 tầng và 1 nhà thờ, 1 bếp, 1 bếp diện tích 14m², sân và công trình phụ, toàn bộ các tài sản này là tiền của ông bà và 1 phần tiền của ông D gửi về.

Bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông bà cũng đồng ý, ông bà đề nghị được lấy phần diện tích đất có ngôi nhà 2 tầng ông bà đã xây dựng, yêu cầu các hàng thừa kế phải có trách nhiệm bồi thường cho ông bà công tôn tạo, trông coi thửa đất.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Điều thống nhất với quan điểm và ý kiến của bà H đưa ra, đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật, toàn bộ phần di sản thừa kế của bà Bùi Thị T, Bùi Văn D và các thừa kế thế vị của bà Đ, bà T7 sẽ giao cho bà Bùi Thị H quản lý, bà H có trách nhiệm giải quyết với những đồng thừa kế này.

Các tài liệu Tòa án thu thập được như sau: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AI 629399 ngày 27/6/2007 cho hộ ông Bùi Văn T5 thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02 tại thôn A, H, T, Hải Phòng do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp.

Tài liệu xem xét, thẩm định tại chỗ: Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02 tại thôn A, H, T, Hải Phòng với diện tích theo giấy CNQSDĐ là 864m², diện tích thực tế là 829,5m², với giá đất ở nhà nước quy định là 1.800.000 đồng/m², giá thị trường khoảng 10.000.000 đồng/m². Vật kiến trúc trên đất là 02 ngôi nhà, tài sản trên đất và cây cối, hoa màu có giá trị 1.567.083.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị chia hết diện tích 864m² của các cụ để lại, không để lại 100m² làm nhà thờ và 100m² để lối đi chung. Đề nghị phần có nhà thờ thì chia cho ông D, phần diện tích đất có nhà 2 tầng thì chia cho ông G và bà H2. Bà H và bà Tam c các hàng thừa kế của bà Đ, bà T7 sẽ cùng lấy vào 1 phần diện tích đất. Bà T cũng thống nhất quan điểm với bà H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 165 BLTTDS;

Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613 BLDS năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc: Chia di sản đối với diện tích đất 829,5 m² thuộc thửa 224, tờ bản đồ số 02, thôn A, H, T, Hải Phòng. Cụ thể:

Giao phần đất 118,5 m² trên đất có nhà thờ và sân cho ông D.

Giao phần đất 237 m² cho ông G quản lý sử dụng.

Giao phần đất còn lại, sau khi đã trừ đi phần diện tích nhà 3 tầng của ông D lần sang cho bà H quản lý sử dụng. Bà H có trách nhiệm thanh toán giá trị suất thừa kế cho các con bà T7, các con bà Đ và bà T.

Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với kỉ phần được hưởng. Đương sự là người cao tuổi được miễn án phí.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn D hiện cư trú tại Canada theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] *Thời hiệu khởi kiện*: Cụ Bùi Văn T5, chết năm 2007 và cụ Phạm Thị T6, chết năm 2006, căn cứ quy định tại Điều 623 của BLTTDS năm 2015, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn.

[3] *Về sự vắng mặt của các đương sự*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng tại phiên tòa bị đơn và những người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, Toà án đã mở phiên toà và triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng những người này đều vắng mặt không có lý do; việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T5 và cụ Phạm Thị T6 là diện tích đất 864m² (đo thực tế 829,5m²) là của cụ T5 và cụ T6 đã được UBND huyện T giấy chứng nhận QSDĐ số AI 629399 ngày 27/6/2007 cho hộ ông Bùi Văn T5 tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02 tại thôn A, H, T, Hải Phòng.

[5] *Về nguồn gốc thửa đất:*

[5.1] Về nguồn gốc thửa đất 224 tờ bản đồ số 02: Các đương sự đều thống nhất trình bày nguồn gốc diện tích đất 864m² (đo thực tế 829,5m²) là của cụ T5 và cụ T6 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên cụ Bùi Văn T5. Do các đương sự đều thừa nhận toàn bộ diện tích đất nêu trên là di sản của cụ T5 và cụ T6, nên đây là chứng cứ không cần chứng minh. Lời khai của các đương sự phù hợp với tài liệu theo dõi đất đai do địa phương cung cấp, nguồn gốc đất của hai cụ được Nhà nước giao từ trước. Do đó, có căn cứ xác định nguồn gốc đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ T5 và cụ T6 và là di sản thừa kế.

[6] *Về hàng thừa kế:* Cụ Bùi Văn T5 và cụ Phạm Thị T6 sinh được 6 người con gồm: Bùi Thị Đ (chết năm 1979), Bùi Thị T7 (chết năm 2004), Bùi Thị T, Bùi Văn G, Bùi Văn D, Bùi Thị H. Như vậy hàng thừa kế của cụ T5 và cụ T6 gồm Bùi Thị T, Bùi Văn G, Bùi Văn D, Bùi Thị H và thừa kế thế vị của Bùi Thị Đ là chị Phạm Thị N1, chị Phạm Thị T1, chị Phạm Thị U, anh Phạm Hữu T2, anh Phạm Hữu P và chị Phạm Thị H3; thừa kế thế vị của Bùi Thị T7 là anh Phạm Bá D1, anh Phạm Bá C, anh Phạm Bá T3 và anh Phạm Bá T4.

[7] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà H đề nghị chia di sản thừa kế là diện tích 864m² (đo thực tế 829,5m²) tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật, cụ thể để lại 100m² đất làm lối đi chung và 100m² là diện tích nhà thờ cúng, số diện tích đất còn là 664m² thì chia đều cho các hàng thừa kế. Phần đất mà vợ chồng ông G đã xây dựng nhà thì đề nghị giữ nguyên cho vợ chồng ông G ở. Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị chia toàn bộ diện tích đo thực tế 829,5m² tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, không để lại diện tích nhà thờ; không cần để lối đi chung; phần diện tích đất có nhà thờ giao cho ông D, bởi ông D là người bỏ tiền ra xây dựng nhà thờ. Xét thấy việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện trong phạm vi xem xét, mặt khác yêu cầu của nguyên đơn về việc để lại 100m² đất làm lối đi chung và 100m² là diện tích nhà thờ cúng chưa được bị đơn

chấp nhận, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia hết di sản thừa kế của T8 và cụ T6 theo quy định của pháp luật.

[7.1] Xét thấy: Trước khi chia di sản thừa kế cần xem xét công sức duy trì, tôn tạo thừa đất. Các tài liệu xác minh thể hiện ông G và bà H2 sống chung cùng cụ T5 và cụ T6 đến khi các cụ chết, ông G, bà H2 có công chăm sóc các cụ, có công xây sửa nhà thờ trên thừa đất, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất hàng năm, nên cần xem xét công sức duy trì, tôn tạo thừa đất cho ông G, bà H2 bằng 01 suất thừa kế theo luật.

[7.2] Như vậy chia di sản thừa kế đối với diện tích 829,5 m² là diện đất tích đất đo thực tế, chia thừa kế thành 7 phần, trong đó có 01 phần tính công duy trì, tôn tạo thừa đất, cụ thể như sau: $829,5 \text{ m}^2 : 7 = 118,5 \text{ m}^2$.

[7.3] Về trị giá thừa đất: Thừa đất số 224, tờ bản đồ số 02 tại thôn A, H, T, Hải Phòng với giá đất ở nhà nước quy định là 1.800.000 đồng/m², giá thị trường khoảng 10.000.000 đồng/m².

[8] Chia di sản cụ thể như sau:

[8.1] Ông G được 01 suất thừa kế; ông G, bà H2 được 01 suất thừa kế là phần công sức duy trì, tôn tạo của ông bà. Như vậy, ông G và bà H2 được giao diện tích đất 237 m² trị giá 2.370.000.000 đồng. Do ông G, bà H2 đã xây dựng nhà 02 tầng kiên cố, nếu tháo dỡ ngôi nhà để chia đất thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến điều kiện sống, sinh hoạt của gia đình ông G, nên chia cho ông G, bà H2 phần diện tích đất có ngôi nhà 2 tầng và các công trình phụ trợ trên đất mà ông bà đang sử dụng. Tại phiên toà, bà H và bà T cũng đề nghị giao phần diện tích đất có nhà 2 tầng mà ông G, bà H2 đã xây dựng cho ông G để gia đình ông G ăn, ở, sinh hoạt ổn định, mặc dù phần lớn diện tích mặt ngõ giao cho ông G và bà H2, thì các bà cũng chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận giao phần diện tích đất có nhà này cho ông G và bà H2. Như vậy, ông G cũng được hưởng giá trị cao hơn các đồng thừa kế khác, công sức duy trì, trông coi thừa đất của ông G, bà H2 đã được xem xét triệt để, quyền lợi cho ông G và bà H2 được đảm bảo. Toàn bộ tài sản gồm nhà 2 tầng, công trình phụ trên đất đều do ông G, bà H2 xây dựng, nên ông G và bà H2 không phải trả khoản tiền nào về tài sản trên đất cho ai.

[8.2] Về ngôi nhà thờ trên đất, các đương sự đều thống nhất việc xây dựng toàn bộ nhà thờ là do ông D bỏ tiền ra để xây dựng, bà H, bà T và ông D đều đề nghị giao lại ngôi nhà thờ cho ông D, do ông D ở nước ngoài nên đề nghị giao cho bà H quản lý thay ông. Do toàn bộ phần nhà thờ dự kiến chia là 123,5 m² (bao gồm khuôn viên nhà thờ là 78 m², còn lại là khuôn viên sân phía trước nhà thờ, giáp với diện tích đất của ông D và diện tích nhà đất chia cho ông G, bà H2) nên cần chia cho ông D diện tích 123,5m² có nhà thờ trên đất trị giá 1.235.000.000 đồng. Bà H và bà Tam thống n, không yêu cầu ông D trả tiền chênh lệch cho phần diện tích đất 05m² dư ra so với 1 suất thừa kế. Do toàn bộ nhà thờ, sân gạch phía trước nhà thờ do ông D xây dựng, nên ông D không phải trả cho ai khoản tiền nào về tài sản trên đất.

[8.3] Bà T, bà H, những người thừa kế của bà Đ và bà T7 được hưởng 1 suất thừa kế mỗi người được 1 suất thừa kế là 118,5 m² trị giá 1.185.000.000 đồng. Chị N,

chị T1, chị U, anh T2, anh P và chị H3 là những người thừa kế thế vị của bà Đ được hưởng $118,5\text{m}^2 : 6 = 19,75\text{m}^2$ tương đương 197.500.000 đồng. Anh Dũng, anh C, anh T3 và anh T4 là những thừa kế thế vị của bà T7 được hưởng $118,5\text{m}^2 : 4 = 29,62\text{m}^2$ tương đương 296.200.000 đồng.

[8.4] Bà T và những người thừa kế của bà Đ và bà T7 đều thống nhất đề nghị giao toàn bộ phần di sản của mình bà H quản lý chung, bà H có trách nhiệm thanh toán giá trị suất thừa kế cho các con bà T7, các con bà Đ và bà T. Phần di sản của các đồng thừa kế đều đề nghị giao cho bà H quản lý chung là 474m^2 , trừ đi phần diện tích nhà thờ giao cho ông D tăng thêm 5m^2 ($123,5 - 118,5 = 5\text{m}^2$). Ngoài ra phần diện tích đất giao cho bà T, bà H, những người thừa kế của bà Đ và bà T7 có công trình nhà 3 tầng của ông D xây dựng 30m^2 trên phần đất này, nên ông D có trách nhiệm trả cho bà T, bà H, những người thừa kế của bà Đ và bà T7 300.000.000 đồng tương ứng với 30m^2 đất (*thể hiện trên sơ đồ kèm theo*). Như vậy, phần diện tích đất còn lại giao cho bà H, bà T, những người thừa kế của bà Đ và bà T7 439m^2 trị giá 4.390.000.000 đồng. Bà H quản lý toàn bộ phần diện tích còn lại sau khi trừ đi phần diện tích đất đã giao cho ông G, bà H2 và phần diện tích nhà thờ đã giao cho ông D, các đương sự sẽ tự giải quyết với nhau, nên Hội đồng xét xử không chia tách đất cụ thể đối với diện tích đất giao cho bà H quản lý chung, cũng như không giải quyết việc các bên phải trả cho nhau như thế nào.

[8.5] Do phần diện tích đất giao cho bà T, bà H, những người thừa kế của bà Đ và bà T7 có 01 bếp trị giá 21.300.000 đồng; bể nước trị giá 8.800.000 đồng và chuồng gà trị giá 4.160.000 đồng. Toàn bộ công trình này do ông G, bà H2 xây dựng, nên buộc bà T, bà H, những người thừa kế của bà Đ và bà T7 có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho ông G, bà H2 là 34.260.000 đồng.

[9] *Về chi phí tố tụng*: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản thừa kế được nhận. Tuy nhiên bà H, ông G, bà T, ông D, bà H2 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 653, Điều 659, Điều 660, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 25, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Xác định khối di sản của cụ Bùi Văn T5 và cụ Phạm Thị T6 là diện tích đất 829,5m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số AI 629399 ngày 27/6/2007 cấp cho hộ ông Bùi Văn T5, thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02 tại thôn A, H, T, Hải Phòng nằm ở các mốc giới A,B,C,D,E,G,H,I,K,L,M,T,Q,N,O,A trên sơ đồ. Chia cụ thể như sau:

1.1. Giao cho ông G và bà H2 quản lý, sử dụng chung diện tích đất 237 m² trên có nhà 02 tầng và công trình phụ khép kín do ông G bà H2 xây dựng có tứ cận phía Tây giáp đường ngõ xóm; phía Đông giáp với nhà thờ giao cho ông D; phía Bắc giáp diện tích đất giao cho bà H quản lý chung; phía Nam giáp đất ông D gồm các mốc O,P,R,Q,N,O (có sơ đồ kèm theo);

1.2. Giao cho ông D quản lý sử dụng diện tích 123,5m² đất trên có nhà thờ và sân của nhà thờ, có tứ cận phía Tây giáp đất giao cho ông G, bà H2; phía Nam giáp đất ông D; phía Đông giáp đất ông D; phía Bắc giáp diện tích đất giao cho bà H quản lý chung có các mốc giới R,S,T,Q. Hiện nay, ông D đang ở nước ngoài nên tạm thời giao diện tích đất này cho bà H quản lý thay cho ông D (có sơ đồ kèm theo).

1.3. Giao cho bà H quản lý sử dụng diện tích đất 439m² trên có 01 bếp, bể nước, chuồng gà có tứ cận phía Tây giáp ngõ xóm và diện tích đất giao cho ông G và H2, phía Đông giáp đất ông D, hộ ông L; phía Bắc giáp hộ ông Phạm Văn H4, bà Nguyễn Thị X và hộ bà Vũ Thị C1, phía Nam giáp diện tích đất giao cho ông G, bà H2 và giáp đất nhà thờ, có các mốc giới A,B,C,D,E,G,H,I,K,L,M,T,S,R,P,O,A (có sơ đồ kèm theo).

1.4. Bà H, bà T, những người thừa kế thế vị của bà Đ (gồm: Chị N, chị T1, chị U, anh T2, anh P và chị H3), những thừa kế thế vị của bà T7 (gồm: Anh Dũng, anh C, anh T3 và anh T4) có trách nhiệm trả tiền chi phí xây dựng bể, chuồng gà, bếp là: 34.260.000 đồng cho ông G và bà H2.

1.5. Ông D có trách nhiệm trả bà H, bà T, những người thừa kế thế vị của bà Đ (Chị N, chị T1, chị U, anh T2, anh P và chị H3), những thừa kế thế vị của bà T7 (A, anh C, anh T3 và anh T4) 300.000.000 đồng.

1.6. Bà H có trách nhiệm trả tiền cho các hàng thừa kế của bà Đ (Chị N, chị T1, chị U, anh T2, anh P và chị H3), các hàng thừa kế của bà T7 (A, anh C, anh T3 và anh

T4) và bà T theo sự thống nhất, thỏa thuận của các bên sau (mỗi suất thừa kế là 1.180.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về nghĩa vụ đối với các bên đương sự:

Bà H, ông D, ông G và bà H2 có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện đăng ký biến động và đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông G và bà H2 phải có trách nhiệm phối hợp tạo điều kiện (giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ T5) để các bên làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký biến động đối với thửa đất số 224, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, bà T, ông D, ông G và bà H2.

Các hàng thừa kế của bà Đ gồm: Phạm Thị N, Phạm Thị T1, Phạm Thị U, Phạm Hữu T2, Phạm Hữu P và Phạm Thị H3 mỗi người phải chịu 9.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và các hàng thừa kế của bà T7 gồm: Phạm Bá D1, Phạm Bá C, Phạm Bá T3 và Phạm Bá T4 mỗi người phải chịu 14.812.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Hữu Trường

